

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

I U L
T CH C VÀ H O T NG C A
CÔNG TY C PH N CÔNG NGHĨ P VÀ XNK CAO SU

C n c Lu t Doanh nghi p c Qu c H i khoá XI n c C ng hòa xã h i ch ngh a Vi t Nam, k h p th 8, thông qua ngày 29 tháng 11 n m 2005;

C n c Ngh nh s 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 n m 2001 c a Qu c H i khoá X, k h p th 10;

C n c Ngh nh s 187/2004/N -CP ngày 16 tháng 11 n m 2004 c a Chính Ph v chuy n công ty nhà n c thành công ty c ph n;

C n c Quy t nh s 4260/Q /BNN-TCCB ngày 30 tháng 11 n m 2004 c a B Nông Nghi p và Phát Tri n Nông Thôn v i c chuy n doanh nghi p nhà n c thành công ty c ph n;

C n c Quy t nh s 15/ 2007/Q -BTC ngày 19 tháng 3 n m 2007 c a B Tài Chính V i c ban hành i u l m u áp d ng cho các công ty niêm y t trên S Giao d ch Ch ng khoán / Trung tâm giao d ch Ch ng khoán ,

Chúng tôi, nh ng c ông sáng l p (có danh sách kèm theo) tham d i H i nh ng c ông b t th ng n m 2014 Công ty c ph n Công nghi p và Xu t nh p kh u Cao su ã nh t trí thông qua n i dung b n s a i b sung i u l và cùng cam k t th c hi n nh ng quy nh trong i u l này.

Ch ng I
NH NGH A CÁC THU T NG TRONG I U L

i u 1. nh ngh a

1. **Công ty** là Công ty C ph n Công nghi p và Xu t nh p kh u Cao su
2. **V n i u le** là s v n do t t c các thành viên góp và c ghi vào i u l Công ty.
3. **V n có quy n bi u quy t** là ph n v n góp, theo ó ng i s h u có quy n bi u quy t trong i h i ng C ông (H C).
4. **C ông sáng l p** là c ông có các i u ki n sau:
 - 4.1. Tham gia xây d ng thông qua và ký tên vào b n i u l l n u c a Công ty.
 - 4.2. Cùng nhau n m gi ít nh t 20% s c ph n ph thông c quy n chào bán.

- 4.3. N u là c ông th nhân s h u s c ph n t i thi u b ng 0,4 % v n i u l Công ty, c ông pháp nhân s h u s c ph n t i thi u b ng 2 % v n i u l công ty.
5. **C ph n ph thông** là m t n v c a v n i u l c a Công ty, có m nh giá là 10.000 ng và cho phép ng i n m gi có các quy n c quy nh t i i u 19 c a b n i u l này.
6. **C t c** là s t i n hàng n m c trích t l i nhu n sau thu c a Công ty tr cho m i c ph n.
7. **Ng i qu n lý Công ty** g m thành viên H QT, Ban T ng Giám c và K toán tr ng công ty, Ban giám c và K toán tr ng các xí nghi p, chi nhánh tr c thu c, công ty con, các Tr ng Phó phòng công ty, Tr ng V n phòng i di n, Tr ng Trung tâm.
8. **Ng i có liên quan** là v , ch ng, b (cha), b nuôi, m , m nuôi, con, con nuôi, anh ch em ru t c a ng i qu n lý Công ty.
9. **Lu t Doanh nghi p** là Lu t Doanh nghi p c Qu c H i Khóa XI n c C ng Hòa Xã H i Ch Ngh a Vi t Nam, k h p th 8, thông qua ngày 29 tháng 11 n m 2005. Có hi u l c thi hành ngày 01 tháng 7 n m 2006.

Ch ng II

TÊN, HÌNH TH C, TR S , CHI NHÁNH, V N PHÒNG I DI N VÀ TH I H NHO T NG C A CÔNG TY.

i u 2. Tên và hình th c c a Công ty, tr s , chi nhánh, v n phòng i di n và th i gian ho t ng c a công ty.

1. Tên Công ty : **CÔNG TY C PH N CÔNG NGHI P VÀ XU T NH P KH U CAO SU**

Tên i ngo i : **RUBBER INDUSTRY AND IMPORT - EXPORT JOINT - STOCK CORPORATION**

Tên g i t t : **RUBICO**

2. Hình th c : Công ty c ph n Công nghi p và Xu t nh p kh u Cao su là doanh nghi p c thành l p theo hình th c chuy n t doanh nghi p Nhà n c thành Công ty c ph n, c t ch c và ho t ng theo Lu t doanh nghi p.

3. Tr s , Chi nhánh và a bàn ho t ng c a Công ty

3.1. Tr s chính : 64 Tr ng nh, Ph ng 7, Qu n 3, TP HCM

- i n tho i : 84.8. 39327173 – 39321214

- Fax : 84.8. 39327171

- E-mail : rubico@hcm.vnn.vn

- Web : www.rubico.com.vn

3.2. Các nhân vật chủ chốt:

- ❖ Công ty TNHH MTV Chibi Ngân Hàng Hòa
Địa chỉ: Khu phố Thới Nhứt, Phường D'An, Xã D'An, Tỉnh Bình
Dương.
- ❖ Xí nghiệp Tam Phước – Chi nhánh công ty TNHH MTV Ngân Hàng Hòa.
Địa chỉ: Đường số 7 KCN Tam Phước, Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
- ❖ Xí nghiệp Cao su Kỹ thuật Tam Hiệp
Địa chỉ: Đường số 3, Khu CN Biên Hòa I, Tỉnh Đồng Nai.
- ❖ Công ty TNHH MTV TM & Dịch vụ Hưng Phúc
Địa chỉ: 50-52 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP.HCM.
- ❖ Chi nhánh Hà Nội
Địa chỉ: 56 Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

3.3. Bàn bạc hoạt động: Trong và ngoài nước.

3.4. Công ty sẽ thành lập các nhân vật chủ chốt như xí nghiệp, chi nhánh, công ty con, trung tâm, văn phòng đại diện, cửa hàng ... trong nước và nước ngoài theo các quy định hiện hành của pháp luật.

3.5. Thời gian hoạt động của công ty là 50 năm, kể từ ngày Công ty được cấp giấy đăng ký kinh doanh theo luật hiện hành. Công ty có thể rút ngắn thời gian hoạt động hoặc chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định của HC và theo luật hiện hành.

3.6. Tổng Giám đốc là người đại diện pháp luật của Công ty, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 31 của Điều lệ này.

Chương III

MỤC TIÊU, PHƯƠNG VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu pháp lý

1. Công ty có thể cách pháp nhân yếu kể từ khi được cấp giấy đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam.
2. Công ty có con dấu riêng, các tài khoản tại các ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
3. Công ty hoạt động theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ do Đại hội đồng thông qua, đồng thời chịu sự quản lý của các cơ quan có thẩm quyền theo luật hiện hành.
4. Công ty thực hiện hạch toán kinh tế riêng và tự chịu trách nhiệm tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh của mình.
5. Công ty có bảng cân đối kế toán riêng, có tài sản riêng, lập các quy định theo quy định Luật doanh nghiệp và quy định của Đại hội đồng.

Điểm 4. Mục tiêu và ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh

1. Mục tiêu:

Mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ nhằm mang lại lợi ích ngày càng cao, giữ vị trí vững chắc, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động trong và ngoài nước, đem lại lợi ích cho các công đồng và hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với ngân sách Nhà nước.

2. Ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Trading cao su.
- Trading lycelacchất bột.
- Khai thác gỗ.
- Khai thác lâm sản khác.
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bóc vỏ.
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác.
- Sản xuất gỗ xây dựng.
- Sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu từ bột gỗ.
- Sản xuất giấy in, giấy, bàn, ghế gỗ. Sản xuất giấy in, giấy, bàn, ghế gỗ và vật liệu khác.
- Gia công, sản xuất, mua bán giày thể thao xuất khẩu. Mua bán cao su và sản phẩm cao su (giày dép, bao bì).
- Thương mại.
- Buôn bán nông lâm sản nguyên liệu khác.
- Buôn bán giấy in, giấy, bàn, ghế và dùng nội thất gỗ.
- Buôn bán MMTB và phôi gỗ khác.
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Buôn bán tre, nứa, gỗ cây và gỗ chẻ.
- Cho thuê máy móc thiết bị và dùng hình khác.
- Buôn bán chuyên doanh khác chưa phân vào đâu.
- Buôn bán phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp.
- Buôn bán thép.
- Bán lẻ giấy in, giấy, bàn, ghế, dùng nội thất gỗ, đèn và bàn đèn, dùng gia đình khác chưa phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh.

- Kinh doanh bất động sản, quy định thu thuế sinh lợi, chi phí thuê nhà.
- Xây dựng nhà các loại.

Công ty có thể mở rộng, thu hồi, hoặc thay đổi phạm vi hoạt động do điều chỉnh quy định pháp luật.

Chương IV

V N I U L , C P H N , C P H I U , C Ô N G , C T C

Điều 5. V n i u l

1. V n i u l góp bằng Việt Nam, ngườiถือหุ้น Việt Nam tính toán theo mệnh giá cổ phiếu là Việt Nam.
2. V n i u l của Công ty do các công đồng góp tự nguyện, mỗi công đồng phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về nguồn vốn góp của mình. Công ty không chịu trách nhiệm về nguồn vốn công đồng.
3. V n i u l của công ty tối thiểu khi thành lập xác định là 50.000.000.000 đồng Việt Nam (Năm mươi tỷ đồng) chia thành 5.000.000 (Năm triệu) cổ phiếu, mỗi cổ phiếu giá 10.000 đồng (Mười ngàn đồng Việt Nam).
4. C c u v n i u l t i t h i i m t h à n h l p c p h a n l o i n h s a u :
 - 4.1. V n t h u c s h u N h à n c 29.000.000.000 đồng chia thành 2.900.000 cổ phiếu, chiếm 58% vốn.
 - 4.2. V n c a n g i l a o n g t r o n g D o a n h n g h i p : 8.000.000.000 đồng chia thành 800.000 cổ phiếu, chiếm 16% vốn.
 - 4.3. V n c a c a c i t n g n g o à i D o a n h n g h i p : 13.000.000.000 đồng chia thành 1.300.000 cổ phiếu, chiếm 26% vốn.
- V n i u l n h n g l n t h a y i s a u t h i i m t h à n h l p , s c g h i n h n t h e o g i y p h é p n g k ý k i n h d o a n h m i n h t .
5. V n i u l c s d n g c h o c á c h o t n g :
 - 5.1. Mua sắm tài sản cố định và các trang thiết bị cần thiết cho hoạt động kinh doanh hoặc mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.
 - 5.2. Cung cấp vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - 5.3. Góp vốn liên doanh, liên kết với các đơn vị kinh tế.
 - 5.4. Mua cổ phiếu, trái phiếu của các đơn vị kinh tế khác.
 - 5.5. Các dự trữ cần thiết về nguồn nhân lực, bất động sản.
 - 5.6. Kinh doanh theo nội dung hoạt động của Công ty.
6. Không sử dụng vốn chia cho các công đồng dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp H C quy định khác, không trái pháp luật).

7. **Điều kiện công có thể quy định về nội dung của Công ty như sau:**
- 7.1. Thành viên góp vốn các thành viên thông qua việc gửi tiền như chuyển thành phần cho các công nhân góp vốn bổ sung.
 - 7.2. Thành viên góp vốn các thành viên mới thông qua việc phát hành chứng khoán.
8. **Điều kiện công có thể quy định về nội dung của Công ty trong trường hợp:**
- 8.1. Hoàn trả tiền phần vốn góp của các thành viên theo tỷ lệ vốn góp của họ trong nội bộ công ty và nếu cần công ty bổ sung thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.
 - 8.2. Điều kiện ghi nợ nội dung về giá trị tài sản ghi nhận vào sổ của Công ty.
- Ngoài ra Về nội dung của Công ty có thể tăng hay giảm theo tình hình hoạt động của Công ty và do Hội đồng quy định.
9. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi điều kiện công nhân trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với qui định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6. Chứng khoán phi ưu

1. Chứng khoán phi ưu là chứng khoán do công ty chuyển phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quy định chứng khoán mới của công ty. Chứng khoán phi ưu có thể ghi danh và không ghi danh. Chứng khoán phi ưu có các nội dung chủ yếu sau đây:
- * Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty.
 - * Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
 - * Số lượng phần và loại phần.
 - * Mệnh giá mỗi phần và tổng mệnh giá số phần.
 - * Họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp, quốc tịch, số chứng minh nhân dân.
 - * Tóm tắt về tình hình chuyển nhượng phần.
 - * Chứng ký mua chứng khoán đi kèm theo pháp luật và điều kiện của công ty.
 - * Số chứng ký tịch công nhân và ngày phát hành chứng khoán
2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức chứng khoán do công ty phát hành thì quy định và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng, Chứng khoán HQT và Tổng giám đốc Công ty phải liên hệ chịu trách nhiệm về thẩm định do những sai sót đó gây ra về nội dung công ty.
3. Trường hợp chứng khoán bị mất, rách, cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì công nhân của công ty chuyển phát chứng khoán theo quy định của công nhân. Quy định của công nhân phi ưu có cam đoan về các nội dung sau:

* Công phi u th c s b m t, b rách, b cháy ho c b tiêu h y d i hình th c khác, tr ng h p b m t cam oan n u tìm ki m l i c s em tr công ty tiêu h y.

* Ch u trách nhi m v nh ng tranh ch p phát sinh t vi c c p l i c phi u m i.

i u 7. S ng ký c ông

1. Công ty ph i l p và l u gi s ng ký c ông t khi c c p gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh. S ng ký c ông có th là v n b n, t p d li u i n t ho c c hai, có các n i dung ch y u sau ây:

1.1. Tên, a ch tr s chính c a Công ty.

1.2. T ng s c ph n c quy n chào bán, lo i c ph n c quy n chào bán và s c ph n c quy n chào bán c a t ng lo i.

1.3. T ng s c ph n ã bán t ng lo i và giá tr v n c ph n ã góp.

1.4. Tên c ông, a ch , s l ng c ph n t ng lo i c a m i c ông, ngày ng ký c ph n.

1.5. Có mã s riêng cho t ng c ông.

2. S ng ký c ông c l u gi t i tr s chính c a Công ty ho c trung tâm ng ký, l u ký, bù tr và thanh toán ch ng khoán. C ông có quy n ki m tra, tra c u ho c trích l c, sao chép n i dung s ng ký c ông trong gi làm vi c c a Công ty ho c trung tâm ng ký, l u ký, bù tr và thanh toán ch ng khoán.

3. C ông s h u t 5% t ng s c ph n tr lên ph i c ng ký v i c quan ng ký kinh doanh có th m quy n trong th i h n b y ngày làm vi c, k t ngày có t l s h u ó.

i u 8. Chuy n nh ng c ph n

1. Trong th i h n ba n m, k t ngày c c p Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh, c ông sáng l p có quy n chuy n nh ng c ph n c a mình cho ng i không ph i là c ông sáng l p n u c s ch p thu n c a H QT Công ty.

2. C ph n bán v i giá u ãi theo ph ng th c tr ch m cho ng i lao ng ch c chuy n nh ng k t khi tr h t n cho Nhà n c.

3. C ông có quy n chuy n quy n u tiên mua c ph n c a mình cho ng i khác. Sau khi c ph n c bán công ty ph i phát hành và trao c phi u cho ng i mua. Tr ng h p c ph n c chuy n nh ng trong th i gian t ngày l p xong danh sách c ông n ngày khai m c H C thì ng i nh n chuy n nh ng có quy n d h p H C thay th cho ng i ã chuy n nh ng s c ph n c a mình.

4. Tr ng h p ch chuy n nh ng m t s c ph n trong c phi u có ghi tên thì c phi u c b h y b và công ty phát hành c phi u m i ghi nh n s c phi u chuy n nh ng và s c ph n còn l i.

5. Tất cả các công phần đều có thể do chuyển nhượng khi đi ul này và pháp luật có quy định khác. Công phần niêm yết trên Sổ giao dịch chứng khoán / Trung tâm giao dịch chứng khoán sẽ chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán Sổ giao dịch chứng khoán / Trung tâm giao dịch chứng khoán.

6. Công phần chưa thanh toán ý không chuyển nhượng và hình thức.

7. Trường hợp công ty phát hành thêm công phần thông qua chào bán sẽ công phần đó cho tất cả công phần thông theo tỷ lệ công phần hiện có của h t i công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây:

7.1. Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các công phần theo phương thức bỏ m n c a ch th ng trú c a h .

7.2. Thông báo phải quy định rõ số công phần và số công phần công phần quy định mua, giá chào bán, thời hạn ký mua. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý công phần ký mua công phần Nu phi u ng ký mua công phần không công phần công ty ứng dụng như thông báo thì công phần có liên quan coi như đã không nhận quy định ưu tiên mua và sẽ giao cho HĐQT phân phối cho các công phần khác theo cách thức hợp lý.

Điều 9. Thu hồi công phần

1. Tất cả công phần không thanh toán ý và ứng dụng s t i n phi tr mua công phần. Hội đồng quản trị thông báo và có quy định yêu cầu công phần thanh toán s t i n còn lại cùng với lãi suất trên tài khoản tín dụng và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán ý gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tức là từ ngày kể từ ngày ghi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo yêu cầu, số công phần chưa thanh toán h t s b thu h i.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không thực hiện, tức là khi thanh toán ý tất cả các khoản phí nhập, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng Quản trị có quy định thu hồi số công phần đó. Hội đồng Quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các công phần bù thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5, và 6 và trong các trường hợp khác của quy định đi ul này.

4. Công phần bù thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng Quản trị có thể trực tiếp hoặc quy định bán, tái phân phối hoặc g i i quy định cho người đã sở hữu công phần bù thu hồi hoặc các hình thức khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp.

5. Công phần mới công phần bù thu hồi phải bắt đầu cách công phần đi v i nh ng c phần đó, những văn bản thanh toán tất cả các khoản tín dụng có liên quan công phần với tín dụng lãi theo tỷ lệ vào thời điểm thu hồi theo quy định của Hội đồng Quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội

ng Quản trị có toàn quyền quy định về các công cụ thanh toán toàn bộ giá trị chi phí vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hay toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi số chứng nhận miễn giảm phần bù thu hồi trị giá thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vốn có hiệu lực kể từ ngày có sai sót hoặc bất cập trong việc ghi thông báo.

Chương V

C C U T C H C, Q U N L Ý V À K I M S O Á T

Điều 10. Cấu trúc quản lý

Cấu trúc quản lý của công ty bao gồm

1. Hội đồng (HĐC)
2. Hội đồng quản trị (HĐQT)
3. Tổng Giám đốc điều hành
4. Ban Kiểm soát

Chương VI

C Ô N G V À H I H I N G C Ô N G

Điều 11. Quy định của Công

1. Công là người chủ sở hữu công ty có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với số phần và loại phần mà sở hữu. Công chịu trách nhiệm vốn và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.
2. Công có các quyền cơ bản sau đây:
 - 2.1. Tham dự, thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐC theo quy định tại Điều 18 của Điều lệ này. Quyền phê bình, chỉ trích, kiến nghị về công việc của HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc hoạt động kinh doanh của Công ty.
 - 2.2. Nhận cổ tức theo quy định và phần vốn góp theo mức quy định của HĐC.
 - 2.3. Khi Công ty phát hành chứng phiếu miễn thuế ưu tiên mua chứng phần theo tỷ lệ phần trăm quy định phần thông cáo công trong Công ty do việc tăng vốn công quy định.
 - 2.4. Mua bán, chuyển nhượng và thế chấp phần theo Điều lệ Công ty và phù hợp với các quy định của pháp luật.
 - 2.5. Trong trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản theo luật định, nhận phần tài sản còn lại theo tỷ lệ phần trăm quy định số phần đã góp vào Công

ty, sau khi Công ty đã thanh toán cho các chủ nợ và các khoản nghĩa vụ theo pháp luật quy định.

2.6. Các quy định bổ sung về bổ nhiệm cho người khác tham dự HĐQT.

2.7. Công đồng can thiệp cách pháp sản mà vì vì không liên quan trực tiếp đến Công ty và nội dung các quy định của Công ty không ảnh hưởng vì sự phân minh hàng sự hỗ trợ trợ giúp quan Nhà nước có thể quy định ra quy định như sau.

2.8. Các quy định khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Công đồng hoặc nhóm công đồng sẽ rút 5% tổng số phiếu thông trong thị trường liên tục sáu tháng trở lên có các quy định sau:

3.1. Các người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát theo quy định Điều lệ này. Danh sách người có quyền nêu rõ tên công đồng, số phiếu nắm giữ của công đồng, lý lịch trích ngang người có quyền.

3.2. Yêu cầu rút phiếu ủng hộ công đồng.

3.3. Xem và nhận bổ nhiệm sao danh sách công đồng có quyền đề nghị ủng hộ công đồng. Công đồng có quyền yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách công đồng nói trên.

3.4. Quy định thông tin thông xuyên và tiếp xúc tình hình hoạt động Công ty. Các yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra thông tin về mối liên quan quan hệ, nội dung hành động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bổ nhiệm, phải có họ tên, địa chỉ thông tin, quốc tịch, số chứng minh nhân dân. Hội đồng hoặc chủ tịch cá nhân hợp pháp khác về việc công đồng là cá nhân: Tên, địa chỉ thông tin, quốc tịch, số quy định thành lập hồ sơ đăng ký kinh doanh về việc công đồng là chủ tịch, số lượng phiếu nắm giữ và thời gian nắm giữ phiếu nắm giữ công đồng, tổng số phiếu nắm giữ của nhóm công đồng và tổng số phiếu nắm giữ của công ty, và nội dung kiểm tra, mức ích kiểm tra.

Điều 12. Trách nhiệm và nghĩa vụ của công đồng

1. Công đồng có trách nhiệm nộp số tiền mua chứng khoán và phải mua hết số phiếu đã đăng ký.

2. Chấp hành Điều lệ của Công ty đã được HĐQT thông qua.

3. Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định, quy định của HĐQT và HĐQT. Giám sát và góp ý kiến về hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

4. Chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Thực hiện trách nhiệm theo pháp luật về quyền lợi và nghĩa vụ góp của mình.

5. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật nội dung nghị quyết và hoạt động của Công ty.

6. Trong kế hoạch của Công ty đã ghi trong giấy phép, các công đồng không được rút vốn công ty, trừ trường hợp công ty công khai thông qua Hội đồng quản trị. Việc rút vốn chỉ được tiến hành thông qua phương thức chuyển nhượng công phần cho các công đồng khác hoặc bán cho Công ty theo điều 8 của điều lệ.

7. Số vốn hay cam kết của các công đồng không làm nhiệm vụ hoạt động của Công ty, nhưng công đồng phải chịu trách nhiệm các nghĩa vụ về vốn của Công ty.

Điều 13. Nghĩa vụ của Công đồng (HĐCĐ)

1. HĐQT giám đốc các Công đồng có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, bao gồm: HĐQT thành lập, HĐQT thường niên và HĐQT bất thường.

2. HĐQT thường niên và HĐQT bất thường họp là khi có số công đồng tham dự ít nhất 65% vốn điều lệ Công ty trở lên (kể số công phần quy định).

2.1. Trường hợp quyết định của Hội đồng không đạt 65% vốn điều lệ thì HĐQT sẽ tổ chức họp hai trong thời gian không quá 30 ngày kể từ ngày triệu tập lần tiếp theo.

2.2. HĐQT tổ chức họp hai lần là khi có số công đồng tham dự ít nhất 51% vốn điều lệ Công ty trở lên (kể số công phần quy định).

2.3. Trường hợp quyết định của Hội đồng không đạt 51% vốn điều lệ thì HĐQT sẽ tổ chức họp ba trong thời gian không quá 20 ngày kể từ ngày triệu tập lần hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của HĐQT có thể tiến hành không phụ thuộc vào số công đồng dự họp.

3. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Hội đồng của công ty hoàn toàn do Hội đồng chi trả. Chi phí này không bao gồm chi phí do công đồng chi trả khi tham dự HĐQT, kể cả chi phí ăn và nghỉ.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. HĐQT thường niên họp ít nhất một lần do Chủ tịch HĐQT triệu tập trong thời gian 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT thường niên:

2.1. Thông qua báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh, báo cáo của Ban Kiểm soát.

2.2. Thông qua nghị quyết và quy định tài chính, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập, sử dụng các quỹ.

2.3. Quyết định phương hướng, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư của năm tài chính tiếp theo.

2.4. Thông qua phương án sử dụng tài sản của Công ty, phương án đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh và hoàn thiện công nghệ đã giao Hội đồng quản trị.

- 2.5. Bi u quy t t ng ho c gi m v n i u l và phát hành các lo i c phi u huy ng v n.
- 2.6. Quy t nh mua l i h n 10% m t lo i c ph n phát hành.
- 2.7. B u, mi n nhi m, bãi nhi m thành viên H QT và Ban Ki m soát n u h t nhi m k ho c b u b sung, thay th thành viên H QT thành viên Ban Ki m soát theo qui nh c a i u l .
- 2.8. Thông qua i u l b sung, s a i.
- 2.9. Quy t nh m c thù lao và các quy n l i i v i thành viên H QT, Ban Ki m soát; xem xét và x lý sai ph m thành viên H QT, Ban Ki m soát, Ban T ng Giám c gây ra cho Công ty.
- 2.10. Các quy n và nhi m v khác theo qui nh c a Lu t doanh nghi p và i u l này.

i u 15. i h i ng c ông b t th ng

1. Lý do và i u ki n tri ut p H C b t th ng: Tr ng h p phát sinh nh ng v n có tính c p bách nh h ng n t ch c và ho t ng c a Công ty, H C b t th ng c tri ut p theo yêu c u c a m t trong các i t ng sau ây:

Theo quy t nh c a H QT.

Ít nh t 2/3 thành viên H i ng Qu n tr .

Theo quy t nh c a Ban Ki m soát trong tr ng h p H i ng Qu n tr ra quy t nh v t quá th m quy n c giao ho c vi ph m nghiêm tr ng ngh a v c a ng i qu n lý qui nh t i Lu t doanh nghi p và i u l này.

Theo yêu c u c a C ông sáng l p ho c nhóm c ông s h u t 5% v n i u l tr lên c a Công ty trong th i h n liên t c ít nh t 06 tháng.

2. Quy n h n và nhi m v c a i h i ng c ông b t th ng:

2.1. Quy t nh x lý nh ng v n b t th ng.

2.2. Bãi mi n và b u b sung, thay th thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát vi ph m lu t pháp, i u l , gây thi t h i cho Công ty.

2.3. Quy t nh t ch c l i ho c gi i th công ty.

2.4. Bi u quy t s a i, b sung i u l .

2.5. X lý các v n kh n c p khác.

i u 16. Thay i các quy n

1. Các quy t nh c a i h i ng c ông v vi c thay i ho c h y b các quy n c bi t g n l i n v i t ng lo i c ph n s ch c thông qua khi có s nh t trí b ng v n b n c a nh ng ng i n m gi ít nh t 75% quy n bi u quy t c a c ph n ã phát hành lo i ó.

2. Vi c t ch c m t cu c h p nh trên ch có giá tr khi có t i thi u hai c ông và n m gi t i thi u m t ph n ba giá tr m nh giá c a các c ph n ó ã phát

hành. Trường hợp không có sự đi n nh nêu trên thì sẽ tiếp tục lập lại trong vòng ba m i ngày sau ó và nh ng ng i n m gi c ph n thu c lo i ó có m t tr c ti p ho c thông qua i đi n c y quy n u c coi là s l ng i bi u yêu c u.

T i các cu c h p riêng bi t nêu trên, nh ng ng i n m gi c ph n thu c lo i ó có m t tr c ti p ho c thông qua i đi n u có th yêu c u b phi u kín và m i ng i khi b phi u kín u có m t lá phi u cho m i c ph n s h u thu c lo i ó.

Đ i u 17. Th th c tri u t p và ti n hành các H C

1. Thông báo m i h p H C ph i c gi tr c ít nh t m i l m (15) ngày cho các c ông có quy n đ h p i v i H C .
2. Thông báo m i h p ph i bao g m ch ng trình h p và các thông tin liên quan v các v n s c th o lu n và bi u quy t t i i h i. i v i các c ông ã th c hi n vi c l u ký c phi u. Thông báo h p H C có th gi n t ch c l u ký, ng th i công b trên ph ng ti n thông tin c a S Giao d ch Ch ng Khoán/Trung tâm Giao d ch Ch ng Khoán, trên website c a công ty, 01 t báo Trung ng hay báo a ph ng n i công ty óng tr s chính. i v i c ông ch a th c hi n vi c l u ký c phi u, thông báo h p H C có th g i cho c ông b ng cách chuy n t n tay ho c g i qua b u i n b ng ph ng th c b o m t i a ch ng ký c a c ông có m u ch nh i đi n theo y quy n đ h p, b n đ th o ch ng trình ngh s và các tài li u th o lu n liên quan n n i dung cu c h p và a i m h p i h i.
3. H QT ph i tri u t p H C th ng niên trong vòng 120 ngày k t ngày k t thúc n m tài chính theo qui nh ho c H C b t th ng trong vòng 30 (Ba m i) ngày k t ngày nh n c yêu c u c a các i t ng có th m quy n c qui nh t i i u l này.
4. Trường h p H QT không tri u t p thì Ban Ki m soát ph i thay th H QT tri u t p H C b t th ng. Trường h p Ban Ki m soát không tri u t p thì nhóm c ông có yêu c u quy nh t i i m 3- i u 11 có quy n thay th H QT, Ban Ki m soát tri u t p H C . T t c chi phí cho vi c tri u t p và ti n hành h p H C s c Công ty hoàn l i.
5. Ng i tri u t p ph i l p danh sách c ông có quy n đ h p; cung c p thông tin và gi i quy t các khi u n i liên quan n danh sách c ông; l p ch ng trình và n i dung cu c h p; chu n b tài li u; xác nh th i gian và a i m h p; g i gi y m i h p n t ng c ông có quy n đ h p theo quy nh c a i u l .
6. Ban Ki m soát có nhi m v ki m tra xác nh n t cách c a C ông ho c ng i i đi n tham đ i h i, l p danh sách hi n đi n (ghi s c ph n s h u, c ph n i đi n).

7. i h i n g c ô n g t h ã n g n i ê n d o C h ã t c h H Q T l à m C h ã t a. N u C h ã t c h H Q T v ã n g m t c ó t h ã y n h i m c h o m t y v i ê n H Q T l à m c h ã t a.
8. i h i b t t h ã n g d o a i t r i u t p t h ã n g i ó l à m C h ã t a.
9. C h ã t a t h ô n g q u a i h i b u r a T h k ý i h i v à B a n k i m p h i u.

i u 18. Danh sách c ô n g c ó q u y n d ã h p v à b i u q u y t t i H C

1. K h i c ó q u y t ã n h t r i u t p H C , d a n h s á c h c ô n g c ó q u y n d ã h p v à b i u q u y t t i H C c ã l p t h e o q u y ã n h t i i u l ã y v à d a t r ê n s ã n g k ý c ô n g c a C ô n g t y. D a n h s á c h p h i l p x o n g c h m n h t 10 ã y t r ã c ã y k h a i m c H C .
2. D a n h s á c h c ô n g n ó i t r ê n ã h p H C p h i c ó h t ê n , a c h t h ã n g t r ú (i v i c ô n g l à c á n h â n); t ê n v à t r s (i v i c ô n g l à p h á p n h â n h o c t c h c); s l ã n g c p h n m i l o i t ã n g c ô n g.

i u 19. Ch ã n g t r ã n h v à n i d u n g h p H C

1. N g i t r i u t p h p H C p h i c h u n b c h ã n g t r ã n h , n i d u n g v à t à i l i u c h o c u c h p.
2. C ô n g s á n g l p h o c n h ó m c ô n g q u y ã n h c a i u l ã y c ó q u y n k i n ã n g c á c v ã n ã v à o c h ã n g t r ã n h h p H C . K i n ã n g p h i l p b ã n g v ã n b ã n v à p h i c g i ã n C ô n g t y c h m n h t l à 03 (B a) ã y t r ã c ã y k h a i m c. B ã n k i n ã n g p h i g h i r ã t ê n c ô n g , s l ã n g t ã n g l o i c p h n , c á c v ã n k i n ã n g ã v à o c h ã n g t r ã n h h p.
3. N g i t r i u t p H C c h c ó q u y n t c h i k i n ã n g t i K h o n 2 i u ã y n u x y r a m t t r o n g c á c t r ã n g h p s a u :
 - 3.1. K i n ã n g g i k h ô n g ú n g t h i h n h o c k h ô n g c ó t h ô n g t i n , k h ô n g ú n g n i d u n g.
 - 3.2. V ã n c k i n ã n g k h ô n g t h u c t h m q u y n q u y t ã n h c a H C h o c n h ã n g t r ã n g h p k h á c v i q u i ã n h t r o n g i u l ã y.

i u 20. T h ô n g q u a q u y t ã n h c a H C

Q u y t ã n h c a i h i n g c ô n g c t h ô n g q u a b ã n g m t t r o n g h a i p h ã n g t h c s a u :

1. T h ô n g q u a ã n g q u y t t i i h i :

B i u q u y t t i i h i p h i c ô n g k h a i , t r c t i p v à k h ô n g n h t t h i t p h i b p h i u k í n . ã n g q u y t c a H C c t h ô n g q u a t i i h i k h i :

 - 1.1. c s c ô n g i d i n í t n h t 65% t ã n g s p h i u b i u q u y t c a t t c c ô n g ã h p c h p t h u n .
 - 1.2. i v i q u y t ã n h v l o i c p h n v à s l ã n g c p h n c q u y n c h à o b á n c a t ã n g l o i ; s a i , b s u n g i u l c ô n g t y ; t c h c l i , g i i t h c ô n g t y ; b á n h n 50% t ã n g g i á t r t à i s ã n c g h i t r o n g s k t ó á n c a c ô n g t y t h i

phiếu cổ công ty đi n ít nh t 75% t ng s phiếu u bi u quy t c a t t c công đ h p ch p thu n.

2. Thông qua quy t nh H C đ i hình th c l y ý ki n b ng v n b n:

Tr ng h p thông qua th tín ho c Fax thì quy t nh c a H C c thông qua n u c s c công i đi n trên 75% t ng s phi u c quy n bi u quy t ch p thu n. Trong tr ng h p này thông qua ngh quy t, H i ng qu n tr c n ti n hành các công vi c sau:

2.1. H i ng qu n tr quy t nh các v n , hình th c n i dung c n l y ý ki n.

2.2. G i phi u h i ý ki n kèm theo t t c các tài li u liên quan n t t c các công có quy n tham đ H C .

2.3. Ki m phi u và l p biên b n ki m phi u, thông báo k t qu ki m phi u và các quy t nh c thông qua n t t c các công trong th i h n 15 ngày k t th i h n cu i cùng mà c công ph i g i ý ki n c a h v Công ty.

3. Quy t nh c a H C phi c thông báo n t t c các công có quy n đ h p H C trong th i h n 15 (M i l m) ngày tính t ngày quy t nh c thông qua và có hi u l c thi hành i v i t t c các công, k c v i s c công v ng m t hay b t ng ý ki n.

i u 21. Vi c y quy n tham đ H C

1. Công c y quy n b ng v n b n cho ng i khác i đi n tham đ H C theo quy nh t i Kho n 1- i u 18 c a i u l này.

2. Ng i c y quy n c bi u quy t, b u c t i H C nh ng không c c , ng c v i t cách cá nhân. Ng i c y quy n ph i xu t trình v n b n c y quy n cho Công ty ch m nh t là 3 ngày tr c ngày khai m c i h i m i c th c hi n quy n h n c y quy n.

3. Ng i c y quy n không nh t thi t ph i là công Công ty.

4. Trong tr ng h p bên y quy n là pháp nhân thì v n b n y quy n ph i c H QT, Giám c ho c i đi n h p pháp c a pháp nhân ó ký tên, óng đ u.

5. Vi c y quy n ch c th c hi n t ng l n. Ng i c y quy n không c y quy n cho ng i th ba.

6. Ng i y quy n có th thu h i s y quy n b ng cách l p v n b n thông báo g i th ng H QT ch m nh t là 24 gi tr c gi khai m c.

i u 22. Biên b n h p H C

1. Cu c h p H C phi c ghi vào s biên b n c a Công ty. Biên b n ph i có các n i dung ch y u sau ây:

1.1. Th i gian, a i m h p H C .

1.2. Ch ng trình làm vi c.

1.3. Ch to và Th ký.

1.4. Tóm t t các ý ki n phát bi u t i H C .

1.5. Các v n th o lu n, bi u quy t t i H C ; s phi u ch p thu n, s phi u ch ng và s phi u tr ng; các v n ã c thông qua.

1.6. T ng s phi u bi u quy t c a các C ông đ h p.

1.7. T ng s phi u bi u quy t i v i t ng v n bi u quy t

1.8. H tên, ch ký c a Ch t a và Th ký.

2. Biên b n h p H C phi làm xong và thông qua tr c khi b m c cu c h p. Các trích l c biên b n phi có ch ký c a Ch t ch H QT ho c hai y viên H QT.

Đ i u 23. Yêu c u hu b quy t nh c a H C

1. Trong th i h n 90 (Chín m i) ngày k t ngày quy t nh c thông qua, các c ông sáng l p, thành viên H QT, T ng Giám c và Ban Ki m soát có quy n yêu c u toà án xem xét và h y b quy t nh c a H C trong các tr ng h p sau :

2. Trình t và th t c tri u t p H C không th c hi n úng quy nh c a Pháp lu t và i u l Công ty.

3. N i dung quy t nh c a H C vi ph m quy nh c a Pháp lu t và i u l Công ty.

Ch ng VII

H I NG QU N TR CÔNG TY

Đ i u 24. H i ng Qu n tr Công ty

1. H i ng Qu n tr là c quan qu n lý cao nh t c a Công ty gi a 02 nhi m k i h i ng C ông, có toàn quy n nhân danh Công ty quy t nh m i v n có liên quan n m c ích, quy n l i c a Công ty tr nh ng v n thu c th m quy n c a H C .

1.1. Nhi m k c a H i ng Qu n tr không quá 5 n m, s l ng thành viên H QT ít nh t là 05 (n m) ng i và nhi u nh t là 11 ng i. T ng s thành viên H i ng Qu n tr c l p không i u hành phi chi m ít nh t m t ph n ba t ng s thành viên H i ng Qu n tr .

1.2. Vi c thay th ho c b sung thành viên H QT phi có tính k th a, m b o trong H QT có ít nh t 1/3 thành viên c .

1.3. C quan i di n ch s h u ph n v n Nhà n c t i Công ty c ph n quy t nh c ng i tham gia ng c vào H QT làm nhi m v là ng i tr c ti p qu n lý ph n v n nhà n c trong Công ty.

1.4. Chủ tịch HĐQT của HĐQT bầu và bãi miễn viên giám sát phi lợi nhuận trên 75% bằng hình thức trực tiếp phi lợi nhuận hoặc ủy quyền công khai, miễn thành viên HĐQT có 01 phi lợi nhuận ủy quyền.

2. Tiêu chuẩn viên giám đốc thành viên HĐQT

2.1. Có năng lực hành vi dân sự, không thuộc diện bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này;

2.2. Là công dân Việt Nam ít nhất 5% tổng số phần trăm tổng hợp công dân có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty hoặc tiêu chuẩn, viên giám đốc khác quy định tại Điều lệ công ty.

2.3. Viên giám đốc công ty con hoặc công ty mẹ không có liên quan cá nhân quản lý, giám đốc thẩm quyền bổ nhiệm giám đốc quản lý công ty mẹ.

2.4. Ủy viên HĐQT là những người có sự phi lợi nhuận cao nhất nhất phần trong số các viên giám đốc của HĐQT bầu bằng hình thức trực tiếp phi lợi nhuận, không phải là nhân viên của các công dân ít nhất 65% số phần trăm có quyền biểu quyết hiện diện tán thành. Trường hợp các viên giám đốc có sự phi lợi nhuận bằng nhau thì số nhân viên số phần trăm nhân viên.

Điều 25. Quy định và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo trực tiếp của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là cơ quan có ý kiến quyết định tất cả các quy định nhân danh Công ty trường hợp thẩm quyền thuộc viên giám đốc công dân.

2. Quy định chính sách phát triển của Công ty.

3. Quy định chính sách phát triển của Công ty, các phương án đầu tư mở rộng sản xuất, đầu tư chi sâu, nâng cao chất lượng sản phẩm. Dự toán và quy định các công trình đầu tư.

4. Quy định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số phần trăm quyền chào bán của tài trợ, quy định huy động thêm vốn theo hình thức khác.

5. Quy định giá chào bán cổ phần và trái phiếu Công ty, mức giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ do chuyển đổi, vàng.

6. Quy định mua lại không vượt quá 10% số phần trăm bán tài trợ.

7. Nhiệm vụ, bãi miễn, cách chức Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng (hay trưởng phòng kế toán) của Công ty. Quy định mức lương, thưởng và các lợi ích khác của Ban Tổng Giám đốc. Trường hợp Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty thì mức lương và thưởng của Tổng Giám đốc do HĐQT quy định.

8. Kinh nghiệm về tổ chức hoặc gì khác Công ty.

9. Quy định về cấu trúc, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quy định thành lập hoặc gia nhập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài.

10. Quy định các kế hoạch kinh doanh hàng năm và phương án trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ SXKD do Tổng Giám đốc Công ty xuất.

11. Quy định ban hành các quy chế về: Tài chính, tiền lương, khen thưởng, kỷ luật, tuyển dụng, cho thôi việc nhân viên của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật. Quy định về mặt bằng vật chất khi nhân viên gây thiệt hại cho Công ty.

12. Nhiệm vụ việc trích lập các quỹ thu nhập quy định; phương án xử lý các khoản lỗ xảy ra trong quá trình kinh doanh của Công ty.

13. Định chế các quy định của Tổng Giám đốc nêu xét thấy trái pháp luật, vi phạm pháp luật, nghị quyết và các quy định của HĐQT.

14. Các quy định khác của quy định theo Luật doanh nghiệp.

Điều 26. Chế độ kiểm soát nội bộ

1. Chế độ kiểm soát nội bộ của Công ty bao gồm các thành viên HĐQT. Chế độ kiểm soát nội bộ không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

2. Chế độ kiểm soát nội bộ có các quy định và trách nhiệm sau:

2.1. Chế độ cấu trúc HĐQT và Hội đồng Quản trị.

2.2. Lập kế hoạch trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT và phân công các thành viên thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty.

2.3. Chủ trì công trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cho các phiên họp của HĐQT, triểu tập họp và chủ trì các phiên họp thường kỳ hoặc bất thường của HĐQT.

2.4. Theo dõi và kiểm tra tình hình thực hiện các quy định của Hội đồng Quản trị và HĐQT.

2.5. Tổ chức việc thông qua quy định của HĐQT về các văn bản thu nhập quy định của Hội đồng Quản trị để hình thành các khác ngoài hình thức cụ thể hiện tại.

2.6. Các quy định và nhiệm vụ khác của quy định tại Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty.

3. Trường hợp Chế độ kiểm soát nội bộ mất khả năng thực hiện nhiệm vụ thì các thành viên còn lại chỉ định bổ nhiệm trong số họ tên tạm thời của Chế độ kiểm soát nội bộ.

Điều 27. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và những vị trí sau:

1. Sau khi Hội đồng Quản trị bầu, HĐQT có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao toàn bộ lao động, tài sản, các hồ sơ tài liệu của Công ty và các công việc còn lại

c a Ban i m i và Phát tri n doanh nghi p c a Công ty (ho c H QT ti n nhi m). H QT hoàn t t các công vi c còn l i và ch u trách nhi m tr c pháp lu t v nh ng vi c ó.

2. Qu n tr Công ty theo úng lu t pháp Nhà n c, i u l và quy t nh c a H C . H QT ch u trách nhi m v nh ng vi ph m pháp lu t, vi ph m i u l Công ty, nh ng sai ph m trong qu n lý gây thi t h i cho Công ty.

3. Ch o, ki m tra, giám sát toàn b các ho t ng kinh doanh c a Ban T ng Giám c b o m th c hi n các ngh quy t, quy t nh c a H QT và H C .

4. Khi có yêu c u, H QT có trách nhi m cung c p và công b các thông tin, tài li u c n thi t cho Ban Ki m soát, các c ông và các c quan qu n lý Nhà n c có th m quy n theo lu t nh và theo i u l này.

5. Chu n b ch ng trình, n i dung tài li u và t ch c H C th ng niên và b t th ng. Tri u t p h p H C ho c th c hi n các th t c h i ý ki n H C thông qua quy t nh.

6. Trình H C quy t nh các v n sau:

6.1. Ki n ngh lo i c ph n và t ng s c ph n c quy n chào bán c a t ng lo i. T ng, gi m v n i u l và chuy n nh ng v n c ph n.

6.2. Ki n ngh các chi n l c và k ho ch phát tri n trung và dài h n c a Công ty, chi n l c và k ho ch huy ng v n.

6.3. Báo cáo ho t ng c a H QT, k t qu kinh doanh, báo cáo quy t toán tài chính hàng n m, ph ng án phân ph i l i nhu n chia c t c.

6.4. Ki n ngh m c c t c c tr , th i h n và th t c tr c t c ho c quy t nh x lý các kho n l phát sinh trong quá trình kinh doanh.

6.5. Ki n ngh s a i ho c b sung i u l Công ty. Ki n ngh vi c t ch c l i ho c gi i th Công ty.

7. Các trách nhi m khác c quy nh c th theo lu t Doanh nghi p và i u l này.

i u 28. Ho t ng, biên b n h p, mi n nhi m, bãi nhi m, b sung thành viên H QT c a H i ng Qu n tr

Ho t ng c a H i ng Qu n tr

1. H QT h p m t quý ít nh t m t l n. Trong tr ng h p c bi t kho ng cách gi a hai k h p c ng không c quá 03 tháng. Chi phí ho t ng c a H QT c tính vào chi phí qu n lý c a Công ty.

2. Tr ng h p c n thi t, H i ng qu n tr có th h p phiên b t th ng theo yêu c u c a:

2.1. Ch t ch H QT.

2.2. Ít nh t 2/3 thành viên H QT.

2.3. Tr ng Ban Ki m soát.

2.4. Tên Giám đốc.

3. Các hình thức khi thông qua quy định của HĐQT.

3.1. HĐQT có quyền thông qua quy định nội bộ vì các tài sản hành chính và lập biên bản có chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT hoặc bằng cách ghi ý kiến thông qua thư tín hoặc fax.

3.2. Quy định của HĐQT được thông qua như:

- Cuộc họp HĐQT họp lần đầu tiên khi ít nhất 2/3 thành viên tham dự.

- Cuộc họp trên 51% số thành viên dự họp (có mặt hoặc ủy quyền) có hiệu lực. Mọi thành viên HĐQT có mặt phải tuân thủ quy định.

- Trường hợp có phi vụ ngang nhau thì quy định của Chủ tịch HĐQT là quy định cuối cùng.

4. Thành viên HĐQT có thể chuyển nhượng thành viên HĐQT khác tham dự một phiên họp HĐQT và được thay mình. Việc chuyển nhượng phải lập thành văn bản và trao cho Chủ tịch HĐQT trước cuộc họp. Mọi thành viên HĐQT chuyển nhượng phải đi kèm với thành viên HĐQT vắng mặt.

5. Mọi quy định, nghị quyết của HĐQT trong mọi phiên họp phải được ghi chép vào biên bản và phải được thông qua bởi tất cả thành viên tham dự và ký duyệt bởi Chủ tịch HĐQT, Thủ ký phiên họp và các thành viên dự họp. Chủ tịch và Thủ ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp HĐQT.

6. Quan hệ công tác của HĐQT gồm: Chủ tịch và một ủy viên giám đốc quy định các công việc hàng ngày. Thủ tịch HĐQT phải am hiểu ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty hoặc các lĩnh vực có liên quan. Khi vắng mặt, Chủ tịch HĐQT có quyền ủy quyền nội bộ cho ủy viên HĐQT thay mặt chịu trách nhiệm quản lý Công ty.

7. Quan hệ công tác của HĐQT được hướng dẫn theo qui định của HĐQT. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Biên bản họp Hội đồng Quản trị

1. Cuộc họp HĐQT phải được ghi chép vào sổ biên bản.

2. Biên bản họp HĐQT phải nêu rõ ít nhất các nội dung sau đây:

2.1. Thời gian và địa điểm họp.

2.2. Họ tên thành viên tham dự.

2.3. Chương trình họp.

2.4. Các vấn đề thảo luận và biểu quyết, kết quả biểu quyết.

2.5. Tóm tắt phát biểu ý kiến tại phiên họp.

2.6. Các quy định của HĐQT thông qua.

3. Chịu trách nhiệm và ký phê duyệt liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp HĐQT.

Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên HĐQT

1. Chịu trách nhiệm, thành viên HĐQT mua trái phiếu cho Công ty pháp nhân mua thay thế người đi nghỉ của mình bằng cách mua trái phiếu cho thành viên HĐQT của Công ty thì phải có đơn, văn bản gửi cho HĐQT Công ty. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn hoặc văn bản, HĐQT sẽ họp để xem xét và quyết định.

2. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trừ các trường hợp theo quy định của HC trong các trường hợp sau:

2.1. Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

2.2. Thiếu năng lực HĐQT xem xét chấp thuận.

2.3. Tỷ lệ bổ nhiệm số học không hoàn thành trách nhiệm theo điều 1 này.

2.4. Trở thành các đối tượng bị hạn chế quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo Luật Doanh Nghiệp.

2.5. Vi phạm những quy định của khoản 3 - điều 24.

2.6. Công ty chấp hành bị xử lý theo quy định của Pháp luật.

3. Trường hợp Chịu trách nhiệm bị miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định thì các thành viên còn lại của HĐQT phải họp ngay để bổ sung người trong số họ để miễn nhiệm công việc của Chịu trách nhiệm. Nếu thành viên HĐQT còn lại không đủ 2/3 số người thì các thành viên này phải cùng Trưởng Ban Kiểm soát họp ngay để bổ sung các thành viên HĐQT còn lại miễn nhiệm công việc của Chịu trách nhiệm HĐQT và triệu tập HĐQT bắt đầu công việc của số lượng vào các chức danh HĐQT.

Chương VIII BAN TNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 29. Ban máy chủ hành Công ty

Ban máy chủ hành Công ty gồm có:

- Ban Tng Giám đốc, Kế toán trưởng và các Trưởng phòng Công ty.
- Ban Giám đốc, Kế toán trưởng các xí nghiệp, Chi nhánh, văn phòng thu c.

Điều 30. Trưởng Giám đốc

1. Trưởng Giám đốc Công ty do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm và ủy nhiệm các quyền hạn cần thiết để thực hiện các quy định của HC và quy định của HĐQT.

2. Chịu trách nhiệm HĐQT không kiêm Trưởng Giám đốc; HĐQT bổ nhiệm Trưởng Giám đốc từ một trong số các thành viên HĐQT hoặc thuê người khác.

3. Tổng Giám đốc có nhiệm vụ phối hợp 50% số phiếu tín nhiệm trả lên Hội đồng quản trị.

4. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm hàng ngày, thay mặt Công ty ký kết tiến hành các giao dịch dân sự, pháp luật với các cơ quan nhà nước và các đơn vị kinh tế khác.

5. Thực hiện mọi nhiệm vụ Ban Tổng Giám đốc Công ty 103 năm

Điều 31. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm, bổ nhiệm, miễn nhiệm của Tổng Giám đốc

1. Quy định nội dung tất cả các văn bản liên quan nội bộ hàng ngày của Công ty.

2. Tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng Công ty và các quy định của Hội đồng Quản trị. Tuy nhiên Tổng Giám đốc có quyền đề nghị thực hiện những quy định của Hội đồng Quản trị trái với pháp luật, các quy định của Hiến pháp và Điều lệ Công ty.

3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức và các chức danh quản lý trong Công ty theo thẩm quyền theo các chức danh do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.

4. Quy định lương, phụ cấp (nếu có), thưởng, phạt và các chế độ phúc lợi khác về đãi ngộ nhân viên trong Công ty, kể cả các cán bộ quản lý theo thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.

5. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch, chương trình hành động và các phương án báo cáo, cạnh tranh, khai thác nguồn lực của Công ty, các phương án huy động vốn cho Công ty trình Hội đồng Quản trị.

6. Quy định tất cả các văn bản không phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức chịu trách nhiệm sản xuất kinh doanh thương mại của Công ty theo những thông lệ quản lý thông thường.

7. Xây dựng và trình các quy chế thẩm quyền của Hội đồng Quản trị, các chính sách nội bộ của Công ty nhằm hạn chế rủi ro và phù hợp theo điều kiện kinh tế thị trường.

8. Ban hành hành công ty có phép mua bán gián tiếp (mua cổ phiếu, trái phiếu), riêng biệt trực tiếp vào các dự án hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước bằng nguồn vốn do Công ty quản lý phi thông qua Hội đồng Quản trị.

9. Chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ ngân sách nhà nước và lập phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận còn lại của Công ty trình Hội đồng Quản trị.

10. Ban hành các quy định, tổ chức, chịu trách nhiệm phê duyệt và kiểm tra các hoạt động của Công ty theo phương hướng và kế hoạch của Hội đồng Quản trị đưa ra. Chịu trách nhiệm về Hội đồng Quản trị cách giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài kế hoạch, chương trình.

11. Ngh H QT b ãi nhi m, mi n nhi m, khen th ãng, k lu t Phó T ãng Giám c, K toán tr ãng. Phân công và ãy nhi m Phó T ãng Giám c ph trách t ãng l ãnh v c ho t ãng.
12. Chu n b ãy c ãc báo cáo theo ch ãng trình ãng s H C do H QT ho c Ban Ki m soát ãy c u.
13. Ngh H ãi ãng qu n tr tri u t p cu c h p b t th ãng ãi ã quy t ãnh ãng v n ã v t quá quy n h n T ãng Giám c ho c có b ãi n ãng l ãn trong Công ty.
14. C ã ra c ãc quy t ãnh v t th m quy n c ã mình trong tr ãng h p kh n c p ãnh : thiên tai, ch h ã, h ã ho n, s c ... và ph ãi ch u trách nhi m v ãnh ãng quy t ãnh ó. ãng th ãi ph ãi báo cáo ngay cho H QT và c ãc c quan ãh ãn c có th m quy n ãi ã quy t ti p.
15. Th c ãi n c ãc ch c n ãng, nhi m v ã và quy n h n khác do H ãi ãng qu n tr ãy nhi m.
16. Khi T ãng Giám c mu n t ãi nhi m ph ãi có ãng ãi H QT. Trong th ãi h n 60 ãng ãy k t ãng ãnh ãn, H QT xem xét và quy t ãnh.
17. T ãng Giám c có th b c ãch ch c, ãi ã nhi m, mi n nhi m khi x y ra m t trong c ãc tr ãng h p sau ãy:
18. B ch t ho c b h n ch ãn ãng l c ãnh vi ãn s .
19. T ch c và c H QT xem xét ch p thu n.
20. T ý b ãi nhi m s ho c ãi u ãnh Công ty v ãi ph m pháp lu t, c ãc quy t ãnh c ã H C , H QT và ãi u l Công ty.
21. Xét th ãy kh ãng ãn ãng l c ãm nhi m c ãc ch c v ãi u ãnh Công ty.
22. Tr ãnh ãi t ãng b h n ch ã quy n ãnh ãp và qu n lý ãnh ãng ãi p theo lu t ãnh.
23. Công ty b ãi ãi th tr c th ãi h n theo quy ãnh c ã pháp lu t.
24. V ãi c ãch ch c, ãi ã nhi m, mi n nhi m T ãng Giám c, Phó T ãng Giám c, K toán tr ãng Công ty ph ãi có s ãnh t trí ít ãnh t c ã 75% s ãnh ãi ãnh H QT ã h p.
25. Trong tr ãng h p T ãng Giám c b ãi ã nhi m, mi n nhi m, H QT ph ãi c ãng ãy m t ãng ãi có ãi u ki n ãm ãnh ãn công v ãi c T ãng Giám c. Trong th ãi h n t ãi ã 30 (Ba m ãi) ãng ãy, H QT ph ãi ãm ãi thay th ã và t ãi ã ãnh ãnh t c ã b ãi ã nhi m T ãng Giám c m ãi. T ãng ãi ãnh c b ãi ã nhi m có quy n ph ãn ãi v ãi c ãi ã nhi m ãy t ãi ãi h ãi ãng c ãng t ãi p theo ãn ãnh t.

Ch ng IX
NHI M V C A THÀNH VIÊN H QT,
T NG GIÁM C I U HÀNH VÀ CÁN B QU N LÝ

i u 32. Th ký Công ty

H i ng qu n tr ch nh m t (ho c nhi u) ng i làm th ký Công ty v i nhi m k và nh ng i u kho n theo quy t nh c a H i ng qu n tr. H i ng qu n tr công ty có th bi nhi m Th ký công ty khi c n nh ng không trái v i các qui nh pháp lu t hi n hành v lao ng. Vai trò và nhi m v c a Th ký Công ty bao g m:

- a. T ch c các cu c h p c a H i ng qu n tr , Ban ki m soát và i h i ng c ông theo l nh c a Ch t ch H i ng qu n tr ho c Ban ki m soát.
- b. Làm biên b n các cu c h p.
- c. T v n v th t c các cu c h p.
- d. Cung c p các thông tin tài chính, b n sao biên b n h p H i ng qu n tr và các thông tin khác cho thành viên c a H i ng qu n tr và Ban Ki m soát.

Th ký Công ty có trách nhi m b o m t thông tin theo các quy nh c a pháp lu t và i u l công ty.

i u 33. Trách nhi m c a Thành viên H QT, T ng giám c i u hành và Cán b qu n lý

Thành viên H QT, T ng giám c i u hành và cán b qu n lý c y thác có trách nhi m th c hi n các nhi m v c a mình, k c nh ng nhi m v v i t cách thành viên các ti u ban c a H QT, m t cách trung th c và theo ph ng pháp mà h tin là vì l i ích cao nh t c a Công ty và v i m t m c c n tr ng mà m t ng i th n tr ng th ng có khi m nhi m v trí t ng ng và trong hoàn c nh t ng t .

i u 34. Trách nhi m trung th c và tránh các xung t v quy n l i .

1. Thành viên H i ng qu n tr ,T ng Giám c i u hành và cán b qu n lý không c phép s d ng nh ng c h i kinh doanh có th mang l i l i ích cho Công ty vì m c ích cá nhân , ng th i không c s d ng nh ng thông tin có c nh ch c v c a mình t l i cá nhân hay ph c v l i ích c a t ch c ho c cá nhân khác.

2. Thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c i u hành và cán b qu n lý có nhi m v thông báo cho H i ng qu n tr t t c các l i ích có th gây xung t v i l i ích c a công ty mà h có th c h ng thông qua các pháp nhân kinh t , các giao d ch ho c cá nhân khác. Nh ng i t ng nêu trên ch c s d ng nh ng c h i ó khi các thành viên H i ng qu n tr không có l i ích liên quan ã quy t nh không truy c u v n này.

3. Công ty không c phép c p các kho n vay ,b o lãnh, ho c tín d ng cho các thành viên H i ng qu n tr , T ng Giám c , cán b qu n lý và gia ình

cả họ có pháp nhân mà những người này có lợi ích tài chính, trừ khi họ không có quy định khác.

Điều 35. Trách nhiệm với thị trường và bất động

1. Trách nhiệm với thị trường: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý viên phải hành động một cách trung thực không hoàn thành nghĩa vụ của mình với công nhân, nhân viên và người chuyên môn sử dụng chịu trách nhiệm với những thị trường do hành vi viên của mình gây ra.

2. Bất động: Công ty sẽ bất động cho những người, ông và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ kiện, kiện, kiện, ông hoặc có thể có liên hành cho dù đây là viên dân sự, hành chính, nhưng người đó hoặc ông là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là người công ty quy định hoặc người đó hoặc ông làm theo yêu cầu của công ty với cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là người quy định của một công ty, tác, liên doanh hoặc pháp nhân khác. Những chi phí bất động bao gồm: Các chi phí phát sinh, chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phí thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc coi là một chi phí, khi ghi quy định những viên của này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, viên người là người đó hành động trung thực, công nhân, nhân viên và viên người chuyên môn theo pháp luật pháp mà người đó tin rằng người đó là lợi ích hoặc không chấp nhận lợi ích cao nhất của công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó sẽ vi phạm những trách nhiệm của mình, Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó tránh những trách nhiệm bất động nêu trên.

Chương X BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát có từ 03 (Ba) đến 5 (Năm) thành viên và trong đó có ít nhất một thành viên có trình độ chuyên môn về tài chính kế toán. Ban Kiểm soát do Hội đồng bầu hoặc bãi nhiệm với tư cách phi vụ thời hạn, bất vụ lợi. Kết thúc nhiệm kỳ mà Ban Kiểm soát miễn nhiệm bầu thì Ban kiểm soát sẽ hết nhiệm kỳ và tiếp tục thực hiện quy định và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ miễn nhiệm bầu và nhân nhiệm vụ.

2. Ban Kiểm soát là người thay mặt người không kiểm soát miễn hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động cấp vụ Hội đồng Quản trị và báo cáo điều hành cho Tổng Giám đốc.

3. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước Hội đồng và pháp luật về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty trong khi thực hiện nhiệm vụ.

4. Những người không được làm thành viên Ban Kiểm soát:

4.1. Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và nhân viên có liên quan với các chức danh này.

4.2. Người đứng đầu trực tiếp chịu trách nhiệm hình sự hoặc người chỉ đạo hành hình phải từ chối bào chữa quy định hành nghề vì vi phạm các tội danh theo luật định.

5. Ban Kiểm soát bầu ra một thành viên làm Trưởng Ban Kiểm soát.

6. Ban Kiểm soát có hàng thủ lao theo Nghị quyết của HĐQT

7. Các chi phí cho hoạt động của Ban Kiểm soát có thể hạch toán vào chi phí quản lý của Công ty.

Điều 37. Nhiệm vụ và quyền hạn, trách nhiệm, miễn nhiệm, bổ sung thành viên của Ban kiểm soát

Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát có trách nhiệm phân công cho thành viên Ban kiểm soát phụ trách từng loại công việc kiểm soát.

2. Mọi thành viên đều sẵn sàng và phân công của Trưởng Ban Kiểm soát có trách nhiệm và quyền hạn như sau:

2.1. Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính, các sổ sách quản trị khác như: Sổ danh sách công, sổ ghi biên bản họp HĐQT, họp HĐQT,.. và kiểm nghiệm xử lý kịp thời các sai phạm (nếu có).

2.2. Tham mưu báo cáo tài chính hàng quý, hàng năm của Công ty. Kiểm tra từng vấn đề liên quan quản lý, điều hành hoạt động của Công ty trong các trường hợp:

2.2.1. Khi các thành viên Ban Kiểm soát xét thấy cần thiết.

2.2.2. Khi có quyết định của Hội đồng.

2.2.3. Khi có yêu cầu của HĐQT.

2.2.4. Khi có yêu cầu của công sáng lập, nhóm công quy định tại Khoản 3- Điều 11 của Điều lệ này.

2.3. Việc kiểm tra quy định tại các điểm 2.1, 2.2 Khoản 2 nêu trên không được gây cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không được gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày Công ty.

2.4. Tham mưu tuyên bố báo vi phạm nghiêm trọng vi phạm quy định kiểm soát, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiểm nghiệm lên Hội đồng.

2.5. Báo cáo vi phạm Hội đồng:

2.5.1. Về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính và các báo cáo khác.

2.5.2. V tính trung thực, hợp pháp, tính tuân thủ nội quy và các quy định của ban hành các quy định và các quy định nội quy, nội quy hành hoạt động Công ty.

3. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến các quy định, nội quy hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Các quy định yêu cầu các phòng nghiệp vụ và các nhân viên trực thu của Công ty cung cấp tình hình, số liệu, tài liệu và thuyết minh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5. Tham dự các cuộc họp HĐQT, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quy định của HĐQT thì Ban Kiểm soát có quy định yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và các tài liệu báo cáo trình HĐQT nghiên cứu.

6. Báo cáo trình HĐQT về những số liệu tài chính bất thường, những vụ khiếu nại trong quy định tài chính của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc theo ý kiến cá nhân của mình, chịu trách nhiệm cá nhân trình pháp luật và HĐQT về những ảnh hưởng và kết luận của mình. Nếu bị sai phạm mà không báo cáo thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trình pháp luật về các thiệt hại (nếu có).

7. Ban Kiểm soát có quy định yêu cầu HĐQT họp phiên bất thường hoặc yêu cầu HĐQT triệu tập HĐQT bất thường.

8. Ban Kiểm soát, từng thành viên Ban Kiểm soát không có tư lợi bí mật của Công ty.

9. Có các quy định và nhiệm vụ khác theo qui định của Luật Doanh nghiệp và nội quy này.

T chức, bổn phận, nhiệm vụ, bổ sung thành viên Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát được thành lập có số lượng thành viên còn lại.

2. Thành viên Ban Kiểm soát được miễn nhiệm hoặc công pháp nhân miễn thay thế người đi nghỉ của mình đang làm thành viên của Ban Kiểm soát thì phải ghi vào biên bản Ban Kiểm soát và HĐQT trình Hội đồng Công ty nghiên cứu thay thế.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bổn phận, nhiệm vụ khi xảy ra mất trong các trường hợp như thành viên HĐQT các quy định.

4. Trong trường hợp khiếu nại danh Trưởng Ban Kiểm soát, thì hai thành viên còn lại sẽ thảo luận để mất trong hai thành viên đó thì thay thế. Khi khiếu nại thành viên Ban Kiểm soát thì HĐQT phải triệu tập HĐQT bất thường bổ sung Ban Kiểm soát.

Chương XI

QUY ĐỊNH VỀ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 38. Quy định về sách và hồ sơ

1. Công ty hoặc nhóm công ty trong Điều này có quyền trực tiếp hoặc thông qua luật sư hoặc người ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu kiểm tra trong giấy làm việc và tài liệu kinh doanh của công ty danh sách công, các biên bản của hội đồng và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đi kèm hoặc đi kèm với quy định khác của công ty phải kèm theo giấy ủy quyền của công ty mà người đi kèm hoặc mặt bên sao công chứng giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký công của công ty, danh sách công và sổ sách và hồ sơ khác của công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình vì điều kiện các thông tin này phải công bố.
3. Công ty phải lập Điều này và những bản sao bổ sung Điều này. Giám đốc kinh doanh, các quy chế, các tài liệu công minh quy định về tài sản, biên bản họp hội đồng và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất kỳ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tài chính hoặc mặt khác vì điều kiện là các công và quan hệ kinh doanh công thông báo và ai muốn giấy tờ.
4. Công ty có quyền của Công ty công bố mặt bên Điều công ty miễn phí trên trang web công ty có website riêng, Điều này phải công bố trên website đó.

Chương XII

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG OÀN

Điều 39. Công nhân viên và Công đoàn.

Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch Hội đồng quản trị thông qua các văn bản tuyển dụng lao động, bồi dưỡng, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật vì cán bộ quản lý công nhân viên quan hệ của Công ty và các tổ chức công đoàn của công nhân theo các chương trình thông lệ và chính sách quản lý nhân sự, những thông lệ và chính sách quy định nội bộ, các quy chế của công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Chương XIII PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 40. Chế độ

1. Chế độ là số tiền trích từ lợi nhuận hàng năm của Công ty trả cho mỗi thành viên. Công ty chỉ trích chế độ cho các thành viên khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và ngay khi trả thuế cuối năm, Công ty vẫn phải bố thanh toán về các khoản nợ và các nghĩa vụ khác của thành viên.
2. Hàng năm công ty trích chế độ theo quy định của Hội đồng quản trị. Chỉ mức tối đa 30 ngày trả tiền lãi trên chế độ, Hội đồng quản trị lập danh sách thành viên chế độ, xác định mức trích chế độ và vị trí thành viên, thời hạn và hình thức trả. Thông báo về vị trí chế độ phải gửi nội dung chế độ chỉ mức tối đa 15 ngày trước khi thực hiện trả chế độ. Thông báo phải ghi rõ tên công ty, tên, địa chỉ thành viên, số thành phần tài sản của thành viên, mức trích chế độ và vị trí thành viên và tổng số chế độ mà thành viên đó nhận, thời hạn và phương thức trả chế độ.
3. Thành viên chuyển nhượng phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách thành viên và thời điểm trả chế độ thì người chuyển nhượng là người nhận chế độ của Công ty.
4. Trường hợp có sự chuyển nhượng của Hội đồng quản trị có thể quy định và thông báo riêng về người sử dụng phần thông tin chế độ của thành viên bằng các chi phí thông thường thay cho chế độ tín nhiệm. Các thành viên bổ sung chế độ này được ghi là thành viên đã thanh toán về tiền mua trên cơ sở giá trị của các thành phần trả chế độ phần trăm giá trị tín nhiệm trả chế độ.
5. Hội đồng quản trị có thể thông qua quy định qui định ngày gì có thể làm ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của công ty. Chỉ theo ngày đó người quản lý ký vị trí cách công việc của người sử dụng các chi phí khác của quy định chế độ, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận chế độ, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khóa sổ này có thể vào cùng ngày hoặc thời điểm trả chế độ khi các quy định chế độ thực hiện.

Điều này không ảnh hưởng tới quy định của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng chế độ hoặc chi phí liên quan.

Điều 41. Phân phối lợi nhuận và lập quỹ

1. Lợi nhuận của Công ty gồm:

Lợi nhuận trước thuế = Tổng doanh thu – Tổng chi phí.

Lợi nhuận sau thuế = Lợi nhuận trước thuế – Thuế thu nhập DN.

2. Lợi nhuận sau thuế vào quỹ đầu tư tài chính cơ sở đầu tiên sau:

2.1. Trích quỹ dự trữ bổ sung: ít nhất bằng 5% lợi nhuận sau thuế cho năm khi bằng 10% vốn đầu tư.

2.2. Còn lại 95% lợi nhuận sau thuế sử dụng như sau:

- Bổ sung vốn cho các năm trước (nếu có)
- Lập quỹ Phát triển sản xuất kinh doanh.
- Lập quỹ Khuyến khích.
- Lập quỹ Phúc lợi.
- Trích để cho các công nhân.

3. Tỷ lệ trích lập các Quỹ có thể thay đổi theo quy định của Hội đồng Quản trị theo tình hình hiệu quả kinh doanh hàng năm.

4. Các quỹ không hình thành từ lợi nhuận sau thuế bao gồm:

4.1 Quỹ khấu hao tài sản cố định do Hội đồng Quản trị quy định.

4.2 Các quỹ khác do Hội đồng Quản trị quy định.

5. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng ngân sách phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ theo quy định của Hội đồng Quản trị quy định cho từng năm.

Chương XIV **TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUẢN LÝ VÀ NỘM TÀI CHÍNH** **VÀ HỒN THỔNG KỂ TOÁN**

Điều 42. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành thanh toán và giao dịch kế toán thông qua tài khoản tại Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 43. Quỹ dự trữ bổ sung vốn đầu tư

Hàng năm, Công ty sẽ trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản tiền vào quỹ dự trữ bổ sung vốn đầu tư theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế và được trích cho năm khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn đầu tư công ty.

Điều 44. Nợ tài khóa

Nợ tài chính của Công ty bắt đầu ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 hàng năm. Nợ tài chính ưu tiên bắt đầu ngày Công ty có chính thức thành lập và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

đ u 45. H th ng k toán

1. H th ng k toán Công ty s đ ng là H th ng K toán Vi t Nam ho c h th ng k toán khác c B Tài Chính ch p thu n.
2. Công ty l p s sách k toán b ng ti ng Vi t. Công ty s l u gi h s k toán theo lo i hình c a các ho t ng kinh doanh mà Công ty tham gia nh ng h s này ph i chính xác, c p nh t, có h th ng và ph i ch ng minh và gi i trình các giao d ch c a Công ty.
3. Công ty s đ ng ng Vi t Nam làm n v ti n t dùng trong k toán.

Ch ng XV

BÁO CÁO TH NG NIÊN, TRÁCH NHI M CÔNG B THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

đ u 46. Báo cáo h ng n m, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty ho t ng trên nguyên t c t qu n v tài chính, t cân i các kho n thu chi, có trách nhi m b o toàn và làm sinh l i các ngu n v n c a Công ty.
2. Công ty ph i ch p hành công tác k toán theo h th ng ch k toán doanh nghi p do B Tài chính ban hành.
3. Trong th i h n 45 ngày k t ngày k t thúc n m tài chính, T ng Giám c ph i hoàn thành các báo cáo tài chính và g i n H QT, Ban Ki m soát xem xét, chu n b h p H C .
4. Cu i m i n m tài chính H QT và Ban Ki m soát có trách nhi m xem xét, thông qua quy t toán trình H C bao g m:
B ng cân i k toán c a Công ty.
4.2. Báo cáo k t qu ho t ng s n xu t kinh doanh.
4.3. Báo cáo l u chuy n ti n t .
4.4. Thuy t minh báo cáo tài chính.
4.5. Các báo cáo t ng h p khác.
5. Công ty l p báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các qui nh c a U ban Ch ng khoán Nhà N c và n p cho U ban Ch ng khoán Nhà N c và S Giao d ch Ch ng khoán.
6. B n tóm t t n i dung báo cáo tài chính hàng n m ã c ki m toán ph i c g i t i t c các c ông và c công b trên nh t báo a ph ng và m t t th i báo kinh t trung ng trong vòng ba s liên ti p. Tr ng h p công ty có website riêng, các báo cáo tài chính c ki m toán, báo cáo quý và sáu tháng c a công ty ph i c công b trên website ó .
7. Các t ch c , cá nhân quan tâm u c quy n ki m tra ho c sao ch p b n báo cáo tài chính hàng n m ã c ki m toán , báo cáo sáu tháng và hàng

quý trong gì làm vì c c a công ty ,t i tr s chính c a công ty và ph i tr m t m c phí h p lý cho vì c sao ch p.

đ i u 47. Công b thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng n m và các tài li u b tr khác ph i c công b ra công chúng theo nh ng qui nh c a U Ban Ch ng khoán Nhà n c và n p cho c quan thu h u quan và c quan ng ký kinh do anh theo các quy nh c a Lu t Doanh nghi p.

Ch ng XVI KI M TOÁN CÔNG TY

đ i u 48. Ki m toán

1. T i i h i ng c ông th ng niên s ch nh m t Công ty ki m toán c l p, ho t ng h p pháp t i Vi t Nam và c y ban Ch ng khoán Nhà n c ch p nh n ki m toán cho các Công ty niêm y t, ti n hành các ho t ng ki m toán Công ty cho n m tài chính ti p theo đ a trên nh ng đ i u kho n và đ i u ki n th a thu n v i H i ng qu n tr (đ i v i n m tài chính u tiên, H i ng qu n tr s ch nh m t công ty ki m toán ti n hành các ho t ng ki m toán Công ty sau khi c c p Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh).
2. Công ty s ph i chu n b và g i báo cáo tài chính hàng n m cho Công ty ki m toán c l p sau khi k t thúc n m tài chính.
3. Công ty ki m toán c l p ki m tra, xác nh n và báo cáo v báo cáo tài chính hàng n m cho bi t các kho n thu chi c a Công ty, l p báo cáo ki m toán và trình báo cáo ó cho H i ng qu n tr trong vòng hai tháng k t ngày k t thúc n m tài chính. Các nhân viên c a Công ty ki m toán c l p th c hi n vi c ki m toán cho Công ty ph i c U ban Ch ng khoán Nhà n c ch p nh n.
4. M t b n sao c a báo cáo ki m toán s ph i c g i ính kèm v i m i b n báo cáo k toán hàng n m c a Công ty.
5. Ki m toán viên th c hi n vi c ki m toán Công ty s c phép tham đ m i cu c h p i h i ng c ông và c quy n nh n các thông báo và các thông tin khác liên quan n i h i ng c ông mà các c ông c quy n nh n và c phát bi u ý ki n t i i h i v các v n có liên quan ki m toán.

Ch ng XVII : CON D U

đ i u 49. Con d u

1. H i ng qu n tr s quy t nh thông qua con d u chính th c c a công ty và con d u c kh c theo qui nh c a pháp lu t.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XVIII

CHẾ ĐỘ THỌ TỬ VÀ THANH LÝ

Điều 50. Tổ chức

1. Khi cần thiết, Công ty có thể tổ chức các phòng ban theo Luật này.
2. HĐQT có trách nhiệm chủ trì các phòng ban của Công ty trình HĐQT quyết định.

Điều 51. Trách nhiệm của các thành viên HĐQT và công

Trừ khi điều lệ này có quy định khác, các công nhân viên làm việc phi thường của hành có quy định trong nội quy của thành viên Hội đồng quản trị có quy định khi cần thiết yêu cầu giải thích theo một số các điểm sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không tham gia trong quản lý các công việc của Công ty đang trình trình không được sử dụng quyền thi hành theo quy định của Hội đồng quản trị hoặc.
2. Các công nhân không tham gia nên không được sử dụng quyền thi hành theo quy định hiện hành của thành viên Hội đồng quản trị.
3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh công nhân chia rẽ khi cần vì các giải thích là phòng ban có lợi ích cho toàn thể công nhân.

Điều 52. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị sử dụng phương pháp phân tích công việc ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động công nhân có thể bị quy định vì gia hạn hoạt động của công ty thêm một thời gian theo quy định của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động của gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các công nhân có quy định quy định có mặt tại họp hoặc thông qua đi đến quy định có mặt tại hội đồng công nhân.

Điều 53. Thanh lý

1. Khi Công ty có quy định giải thích, HĐQT lập Hội đồng Thanh lý thay thế Hội đồng Quản trị cùng Ban Kiểm soát làm nhiệm vụ thanh lý tài sản Công ty. Trình tự thanh lý và phân chia tài sản còn lại của Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Trong thời gian thanh lý, Hội đồng thanh lý và Ban Kiểm soát có quy định phân bổ HĐQT bắt buộc xử lý các vấn đề xét thấy cần thiết phải có quy định của hội đồng công nhân.

Chương XIX

GIỚI QUY ĐỊNH TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 54. Giới quy định tranh chấp nội bộ

1. Chế độ H-QT có thể quy định cho Tổng Giám đốc trong các giai đoạn tranh chấp.
2. Công ty có quy định bình đẳng trước pháp luật và bình đẳng nhân, cá nhân khi có tranh chấp.
3. Trong thời gian hoạt động bình thường của công nhân trong thời gian thanh lý, giới quy định xử lý các tranh chấp liên quan đến Công ty ưu tiên các quy định của cơ quan chức năng Nhà nước theo quy định hiện hành.
4. Mọi công nhân có quy định khi tuân thủ quy định chính đáng của mình và đòi hỏi thi hành thì do bất cứ thành viên nào trong Công ty gây ra. Các tranh chấp trong nội bộ Công ty hoặc tranh chấp với các pháp nhân và thực nhân khác, trừ các giới quy định bằng thủ tục giải quyết các bên liên quan. Trường hợp thủ tục giải quyết không thành thì người khi tuân thủ có quy định chuyển cho cơ quan pháp luật giải quyết.

Chương XX

BỔ SUNG VÀ SỬ DỤNG

Điều 55. Bổ sung và sử dụng

1. Nội dung văn bản liên quan đến hoạt động của Công ty không nêu trong bản sử dụng này sẽ do Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan khác chi phối.
2. Chế độ H-CT mới được thông qua các sử dụng sửa đổi, bổ sung các sử dụng kho nội bộ sử dụng này.

Chương XXI

NGÀY HIỆN TẠI

Điều 56. Ngày hiện tại

1. Sử dụng này gồm 21 chương 57 sử dụng, đã được H-CT Công ty thông qua và biên soạn cùng chấp thuận hiện tại toàn văn của sử dụng này.
2. Sử dụng được thành lập 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - 2.1. 01 bản nộp tại phòng công chứng Nhà nước của địa phương.
 - 2.2. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố.
 - 2.3. 04 bản lưu trữ văn phòng công ty.

3. Điều này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục điều lệ công ty phải có chữ ký Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc đại diện hai thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Điều 57. Chữ ký của các công đồng sáng lập hoặc người đi n theo pháp luật của Công ty.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 06 năm 2014

Người đi n theo Pháp luật

ã ký